

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 30/7/2019.

*V/v tranh chấp: “Hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa,
2. Bà Nguyễn Thị Minh Huân,

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐST –DS ngày 17 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A

Trụ sở chính: Số 442 Đường N, phường M, Quận L, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ Chi nhánh: Số 152 Đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông D– Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Bình Thuận - Đại diện Ngân hàng TMCP A theo Quyết định số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13/9/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A. *Có mặt.*

Ủy quyền cho Ông E- Nhân viên xử lý thu hồi nợ Ngân hàng TMCP A (theo giấy ủy quyền số 16 ngày 02/7/2019). *Có mặt.*

Bị đơn : Bà B– sinh năm: 1982. *Vắng mặt.*

Ông V – sinh năm: 1983. *Vắng mặt.*

Nơi ĐKKH : Thôn T, xã L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 65A Thôn Phú Khánh, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Thiết bị Điện

MQ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V, sinh năm 1983. *Vắng mặt.*

Địa chỉ trụ sở: Số 65A Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2018, và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng ông V và bà B có ký kết thỏa thuận vay tiền của Ngân hàng TMCP A Chi nhánh Bình Thuận (sau đây gọi là Ngân hàng A) theo Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.275.060715 ngày 06/7/2015 số tiền vay : 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn), mục đích vay mua nhà, đất để xây dựng nhà ở, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 08/7/2015 (ngày nhận tiền vay lần đầu) đến ngày 08/7/2022; Lãi suất vay trong hạn 9,7%/năm và được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận tiền vay và được điều chỉnh 03 tháng /lần; Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông V và bà B có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PTT.BĐCN.129.060715, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận ngày 06/7/2015, số công chứng 6145, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD và Giấy cam kết thế chấp ngày 06/7/2015, thế chấp cho Ngân hàng A các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (hình thành trong tương lai), tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận, có diện tích 730,5 m² , trong đó có 150m² là đất ở và 630,5 m² là đất trồng cây lâu năm , đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 029961 được chỉnh lý biến động chuyển cho ông V ngày 30/6/2015.

Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng ĐKKĐ huyện K ngày 07/7/2015 theo hồ sơ số 23131.15.001533.TC.VP. và hồ sơ số 23131.15.001698.TC.VP. ngày 07/11/2015.

Ngoài ra theo Giấy cam kết về việc trả nợ của Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ lập ngày 06/7/201, Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ (có mã số doanh nghiệp 3401050317 đăng ký lần đầu ngày 22/5/2013 tại Sở KHĐT Bình Thuận), do ông V là giám đốc đại diện theo pháp luật còn cam kết đồng ý trả nợ thay cho ông V và bà Đoàn Thị Bích Trang, khi ông V bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác.

Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng A đã thực hiện đúng nghĩa vụ, chuyển toàn bộ số tiền vay cho ông V và bà B theo Khế ước nhận nợ số 01 (số TKV: 200277529) ngày 08/7/2015.

Trong quá trình vay vốn, thời gian đầu thực hiện hợp đồng vợ chồng ông V, và bà B đã thực hiện đúng cam kết nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, nhưng sau khi trả nợ vào ngày 29/01/2018 đến ngày 08/02/2018 là kỳ trả nợ tiếp theo cho đến hiện nay, vợ chồng ông V, bà B đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2019 các khoản tiền gốc và lãi đã thanh toán và còn nợ lại của vợ chồng ông V và bà B tại Ngân hàng A, cụ thể như sau:

* *Các khoản đã trả:* Vợ chồng ông V và bà B đã 31 lần trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, cụ thể: tổng số tiền gốc đã trả: 894.223.336 đồng, tổng số tiền lãi đã trả: 532.916.957 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông V và bà B đã trả cho Ngân hàng là 1.4217.140.293 đồng.

* *Các khoản còn nợ lại:* Tổng số nợ gốc còn lại 1.605.777.664 đồng; Nợ lãi trong hạn: 99.001.582 đồng; Lãi quá hạn: 277.640.695 đồng; Phạt vi phạm: 2.677.075 đồng; Tổng cộng 1.985.096.015 đồng.

Ngân hàng A đã nhiều lần nhắc nhở và thông báo việc trả số nợ còn lại nhưng ông V và bà B vẫn không thực hiện việc trả nợ, do vậy ngày 29/6/2018, Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và từ ngày 30/7/2018, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại sang nợ quá hạn, và ngày 31/10/2018 Ngân hàng A đã khởi kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A đã đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, tuyên buộc:

[1] Ông V và bà B trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/7/2019 là 1.985.096.015 đồng (*Một tỷ, Chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm không trăm mười lăm đồng*), trong đó gồm nợ gốc 1.605.776.664 đồng, nợ lãi trong hạn 99.001.582 đồng, nợ lãi quá hạn 277.640.695 đồng; Phạt vi phạm: 2.677.075 đồng.

[2] Ông V và bà B phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 29/7/2019 cho đến ngày trả dứt nợ. Ông V và bà B phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

[3] Nếu ông V và bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tài sản hình thành trong tương lai, tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 93, tại địa chỉ Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông V và bà Đoàn Thị Bích Trang.

[4] Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 06/7/2015.

**Ý kiến của bị đơn :* Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đối với Bị đơn vợ chồng ông V và bà Bnhưng ông V và bà Bkhông liên hệ với Tòa án, không phản hồi ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trong suốt quá trình tiến hành tố tụng;

** Ý kiến của Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật, không liên hệ với Tòa án, không phản hồi ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trong suốt quá trình tiến hành tố tụng.

**Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các thủ tục thu thập chứng cứ và tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng thành phần trong quyết định xét xử và đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự ;

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng A tuyên buộc vợ chồng ông V và bà Bphải trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/7/2019 là 1.985.096.015 đồng (*Một tỷ, Chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm không trăm mười lăm đồng*), trong đó gồm nợ gốc 1.605.776.664 đồng, nợ lãi trong hạn 99.001.582 đồng, nợ lãi quá hạn 277.640.695đồng ; Phạt vi phạm: 2.677.075 đồng ;

Kể từ ngày tiếp theo ông V và Bà tiếp tục phải chịu lãi suất chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng;

Nếu ông V và Bà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tài sản hình thành trong tương lai, tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 93, tại địa chỉ Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông V và Bà Đoàn Thị Bích Trang, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PTT.BĐCN.129.060715, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận ngày 06/7/2015.

Đề nghị tuyên buộc Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 06/7/2015.

Về án phí: Ông V và Bà phải chịu trách nhiệm trả tiền án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] **Về thẩm quyền:** Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng ký kết và thực hiện tại thành phố P, nơi Ngân hàng A Chi nhánh Bình Thuận có trụ sở chính. Đồng thời tại Điều 11 của Bản thỏa thuận ký kết kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.275.060715, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PTT.BĐCN.129.060715, ngày 06/7/2015 các bên đã thỏa thuận sẽ lựa chọn Tòa án nơi Ngân hàng A có trụ sở chính hoặc Tòa án nhân dân do Ngân hàng A lựa chọn để giải quyết.

Như vậy thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên phù hợp quy định tại điểm b, g khoản 01 điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết vụ kiện dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định của điều luật đã viện dẫn nêu trên ;

[2] **Về thủ tục tố tụng đạt đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Nguyên đơn đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của vợ chồng ông V và Bà Đoàn Thị Bích Trang, Theo biên bản xác minh ngày 06/3/2019 thì ông V và Bà Hiện vẫn đang sinh sống và kinh doanh tại nơi có trụ sở chính của Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật: Số 65 A, Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho vợ chồng ông V và bà Đoàn Thị Bích Trang, nhưng không tổng đạt được do ông V và bà B thường xuyên vắng nhà, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng trên cho nhân viên Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng trên theo quy định tại các điều 177 điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông V và bà Đoàn Thị Bích Trang, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, theo qui định tại các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Về nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1] Về hiệu lực của các hợp đồng giao kết giữa các bên:

Qua xem xét đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.275.060715 ngày 06/7/2015, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PTT.BĐCN.129.060715, được Ngân hàng A ký kết với vợ chồng ông V, bà B trên cơ sở tự nguyện; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập và được công chứng chứng thực theo đúng quy định của Pháp luật; Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Về thỏa thuận tỷ lệ lãi suất vay của Ngân hàng A tại hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên cụ thể như sau: 03 tháng đầu của kỳ vay lệ lãi suất là 9,7%/năm (nhưng thực tế Ngân hàng A đã tính lãi suất 9,7% cho cả 06 tháng đầu sau khi vay từ ngày 08/7/2017 đến 08/01/2018), 03 tháng tiếp theo (từ ngày 08/01/2018 đến ngày 08/4/2018) lãi suất điều chỉnh 10,3%/năm, từ ngày 08/4/2018 lãi suất điều chỉnh là 11,4%/năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn;

Như vậy hình thức và nội dung các hợp đồng nêu trên là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 342, 471, 474, 715, 716 Bộ luật dân sự năm 2005, điều 168, điều 179 Luật Đất đai năm 2013, các quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên các hợp đồng này là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên;

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/7/2019 của Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng A để thu hồi nợ:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết: Sau khi giao kết Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.275.060715 ngày 06/7/2015 Ngân hàng A đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết, đã chuyển giao toàn bộ số tiền vay 2.500.000.000đ cho vợ chồng ông V và bà B theo đúng nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên (thể hiện tại Khế ước nhận nợ số 01, số TKV: 200277529 ngày 08/7/2015);

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, tính đến ngày 29/01/2018 (ngày trả nợ vay lần cuối cùng) vợ chồng ông V bà B đã thanh toán cho Ngân hàng A với tổng số tiền gốc là 894.223.336 đồng và tiền lãi là 532.916.957 đồng;

Từ ngày 08/02/2018 (là ngày trả nợ kỳ tiếp theo) mặc dù Ngân hàng A đã thông báo nhắc nhở việc trả nợ, bản thân ông V bà B cũng biết rõ các kỳ hạn mà vợ chồng ông phải trả nợ cho Ngân hàng A nhưng ông V bà B vẫn không thanh toán trả tiền vay, tiền lãi cho Ngân hàng A như thỏa thuận đã cam kết tại Điều 03 Hợp đồng tín dụng đã ký kết;

Như vậy bên vay là vợ chồng ông V bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho nên mặc dù chưa đến kỳ đáo hạn vay, Ngân hàng A vẫn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông V bà B trả số nợ tiền gốc và tiền lãi còn nợ lại tính đến ngày mở phiên tòa 29/7/2019, là có căn cứ phù hợp quy định tại điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp (BL số 171 đến 212), Hội đồng xét thấy đã có đủ căn cứ để xác định: tính đến ngày 29/7/2019 (ngày xét xử) khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của vợ chồng ông V bà B còn nợ tại Ngân hàng A là: ***tiền gốc: 1.605.776.664 đồng, lãi trong hạn 99.001.582đ, lãi quá hạn 277.640.695đ, tiền phạt 2.677.075đ, tổng cộng 1.985.096.015đ.*** Ông V bà B phải trả khoản nợ còn lại này cho Ngân hàng A, đồng thời phải trả nợ theo thứ tự đã thỏa thuận là: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

[2.2] Về yêu cầu của Ngân hàng A yêu cầu Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ liên đới cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ với vợ chồng ông V bà B theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 06/7/2015:

Xét Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ là Công ty TNHH một thành viên cũng do ông V là giám đốc đại diện theo pháp luật, và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 22/5/2013, với vốn điều lệ là 05 tỷ đồng, hiện vẫn đang hoạt động tại địa chỉ trụ sở chính: số 65A, thôn Phú Sum, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận, do vậy đủ điều kiện để thực hiện việc viết giấy cam kết trả nợ lập ngày 06/7/2013. Nội dung của giấy cam kết này thể hiện nội dung thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay, đây là nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại điều 361 Bộ luật Dân sự 2005, do vậy tuy giấy cam kết này ghi nhận nhiều nội dung nhưng chỉ có các nội dung nào phù hợp với quy định Bộ luật dân sự về bảo lãnh thì Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy khoản nợ vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là khoản vay của cá nhân vợ chồng ông V và bà Trang, Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ không phải là người vay tiền, do vậy không thể buộc cùng trả nợ hợp đồng tín dụng chung với ông V bà Trang.

Tại điều 361 BLDS 2005 quy định: “*Bảo lãnh (bên bảo lãnh) là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho*

bên có nghĩa vụ (bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, các bên cũng có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình”.

Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về nội dung yêu cầu: Trong trường hợp vợ chồng ông V bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ còn lại của hợp đồng tín dụng, thì Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay và cũng phải trả nợ theo thứ tự đã thỏa thuận là: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn

****Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp*** số PTT.BĐCN.129.060715 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận ngày 06/7/2015, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (hình thành trong tương lai), tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận, có diện tích 730,5 m² , trong đó có 150m² là đất ở và 630,5 là đất trồng cây lâu năm , đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 029961 được chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông V ngày 30/6/2015.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2019 của Hội đồng xem xét thẩm định chỗ do Tòa án thành phố P thành lập đã xác định :

Về diện tích thửa đất số 207 tờ bản đồ số 93, không có biến động sai lệch so với diện tích thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 029961 của UBND huyện K, tỉnh Bình Thuận.

Về tài sản gắn liền trên đất gồm có : hàng rào bằng gạch và xi măng , nhà kho, cây ăn trái và hồ bơi, tài sản gắn liền trên đất chưa được chứng nhận quyền sở hữu gắn liền với quyền sử dụng đất nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng số 91/GPXDCT-UBND ngày 15/9/2015 của UBND huyện K, tỉnh Bình Thuận.

Các tài sản trên thuộc sở hữu của vợ chồng ông V bà Trang, đang được ông V bà B quản lý sử dụng và được vợ chồng ông bà tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng A để bảo đảm cho khoản vay vợ chồng ông bà tại hợp đồng tín dụng, việc thế chấp tài sản này không trái đạo đức xã hội và các quy định pháp luật như đã viện dẫn tại phần [1]; Do vậy Ngân hàng A yêu cầu xử lý tài sản vợ chồng ông V, bà B đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay để thu hồi nợ vay, trong trường hợp vợ chồng ông V bà B không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005, điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm Dân sự, Bị đơn vợ chồng ông V và bà B phải chịu án phí sơ thẩm Dân sự có giá ngạch theo quy định tại khoản 01 điều 147 Bộ luật Dân sự và quy định tại khoản 02 điều 26, điểm d khoản 1.3, điều 1 phần II Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục về án phí, lệ phí, ban hành kèm theo Nghị quyết, cụ thể : số tiền án phí ông V bà B phải nộp là: $36.000.000đ + \{3\% \text{ số tiền phải trả cho Ngân hàng vượt quá mức } 800 \text{ triệu đồng}\}$ là $1.185.096.015(1.985.096.015đ - 800.000.000đ) = 35.552.880đ\}$ = 71.552.880 đồng;

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào quy định tại khoản 03 điều 26, điểm a khoản 01 điều 35, điểm b,g khoản 01 điều 40, điểm b khoản 02 điều 227, khoản 03 điều 228, khoản 01 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 342, 355, 471, 474, 715, 716, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điều 168, điều 179 Luật Đất đai năm 2013, điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử :

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A đối với Bị đơn; Ông V và bà B:

Tuyên buộc vợ chồng ông V và bà B cùng thanh toán nợ tiền gốc và tiền lãi còn nợ tại Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.275.060715 ngày 06/7/2015 , tính đến ngày 29/7/2019, với số tiền tổng cộng là: 1.985.096.015 đ, trong đó tiền gốc: 1.605.776.664 đồng, lãi trong hạn 99.001.582 đ, lãi quá hạn 277.640.695 đ , tiền phạt 2.677.075 đ. Ông V và bà B phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

[2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2019), ông V , bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay;

[3] Trong trường hợp vợ chồng ông V và bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, hoặc không có khả năng trả nợ gốc và lãi như đã nêu tại mục [1] và [2] phần quyết định của bản án , thì Công ty TNHH thiết bị điện MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay.

[4] Trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật mà ông V và bà B cùng với Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật, không có khả năng trả được nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự thành phố P tỉnh Bình Thuận kê biên phát mãi tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số PTT.BĐCN.129.060715 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận ngày 06/7/2015, để thu hồi nợ, cụ thể gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (kể cả tài sản hình thành trong tương lai), tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận, có diện tích 730,5 m², trong đó có 150m² là đất ở và 630,5 là đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 029961 được chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông V ngày 30/6/2015.

Về tài sản gắn liền trên đất gồm có: hàng rào bằng gạch và xi măng, nhà kho, cây ăn trái và hồ bơi, tài sản gắn liền trên đất chưa được chứng nhận quyền sở hữu gắn liền với quyền sử dụng đất nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng số 91/GPXDCT-UBND ngày 15/9/2015 của UBND huyện K, tỉnh Bình Thuận. (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2019 Hội đồng xem xét thẩm định chỗ do Tòa án thành phố P thành lập)

Trường hợp sau thời điểm xét xử sơ thẩm có phát sinh tài sản gắn liền trên đất (hình thành trong tương lai), tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 93, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận, nếu tài sản đó được phép tồn tại trên đất theo quy định pháp luật thì cũng được kê biên phát mãi để thu hồi khoản nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp phát mãi kê biên tài sản thế chấp không đủ thanh toán khoản nợ vay, ông V và bà B cùng với Công ty TNHH Thiết Bị Điện MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật vẫn có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ vay với Ngân hàng A.

3/ Về án phí: Ông V và bà B phải nộp 71.552.880 đồng án phí sơ thẩm Dân sự; Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 31.706.700 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 023954 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo bản án của Nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của các bị đơn và Công ty TNHH Thiết Bị Điện

MQ do ông V làm giám đốc đại diện theo pháp luật là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân

